TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-ST.
Ngày: 27-3-2025.
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Thanh Nhàn;

Ông Lê Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc: "Tranh chấp quyền về lối đi qua" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố PN, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị O, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố PN, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị O, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố PN, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có mặt.

2. Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có mặt.

3. Bà Võ Thị Thanh K, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị HT, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – có mặt.

7. Ông Đỗ Văn MT, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

8. Bà Đỗ Thị Thu A, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Ngọc E, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu phố PH, phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 22/01/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M là chị ruột của ông Nguyễn Văn U, còn bà Trần Thị O là em dâu.

Năm 1999, bà Nguyễn Thị M được thừa kế thửa đất số 263, tờ bản đồ số 36 toạ lạc tại phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, diện tích là 3.939m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00784, được Uỷ ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát) cấp ngày 18/02/2000 cho hộ bà Nguyễn Thị M. Quá trình quản lý, sử dụng và ở trên đất, bà M đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất tách thửa cho nhiều người như: bà Đỗ Thị Thu H, bà Võ Thị Thanh K và nhiều người khác, diện tích đất thực tế hiện còn lại là 1.073m^2 thuộc thửa 1075, gia đình bà M đang quản lý, sử dụng.

Từ khi cha mẹ bà M còn sống đến khi cha mẹ bà M chết, bà M sống chung với cha mẹ đã có một lối đi do cha mẹ tự chừa có chiều ngang khoảng 3,5m chiều dài khoảng 30m, giáp ranh với thửa đất của ông U. Thời gian qua gia đình bà M và các hộ dân phía trong sử dụng chung lối đi này để đi ra đường giao thông nông thôn, không ai tranh chấp. Tuy nhiên, đến năm 2023, gia đình ông U đổ đá giữa lối đi không cho gia đình bà M và các hộ dân phía trong đi. Từ đó phát sinh tranh chấp và được chính quyền địa phương hoà giải, khi đó bà O đại diện cho ông U có ý kiến đồng ý trả lại lối đi cho bà M nhưng với điều kiện bà M phải đền bù cho ông U số tiền là 700.000.000 đồng, bà M không có khả năng nên hoà giải không thành và vụ việc được Toà án thụ lý, giải quyết cho đến nay.

Nay bà M yêu cầu ông U phải trả lối đi cho bà M và các hộ dân phía trong theo kết quả đo đạc thực tế là 90,6m^2. Bà M và các hộ dân phía trong sẽ đền bù cho ông U số tiền là 50.000.000 đồng, vì nguồn gốc lối đi là đất của cha mẹ khai

phá tự chừa, hơn nữa thực tế ngoài lối đi tranh chấp này ra, gia đình bà M và các hộ dân phía trong không có lối đi nào khác.

Bà M không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại đất tranh chấp.

2. Theo lời khai của bị đơn ông Nguyễn Văn U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị O trình bày:

Về quan hệ nhân thân, ông U và bà O thống nhất như bà M trình bày.

Lối đi tranh chấp thuộc một phần của thửa 1061, tờ bản đồ số 36, toạ lạc tại phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đất có nguồn gốc của cha mẹ ông U khai phá cho ông U và ông U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ năm 1990. Sau đó, ông U có đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp vào năm 2000. Khi cha mẹ còn sống không có sử dụng đất tranh chấp làm lối đi mà có lối đi khác. Năm 2005, gia đình ông U làm sân, hàng rào nhưng nghĩ tình chị em nên ông U rào chừa lối đi tranh chấp cho bà M đi chứ không phải lối đi chung. Phần đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông U và đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp. Do đó, ông U không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà M. Trường hợp gia đình bà M và các hộ dân bên trong cần lối đi này để đi thì ông U, bà O đồng ý chừa lối đi có chiều ngang 2 mét, chiều dài khoảng 30 mét nhưng bà M phải có trách nhiệm thanh toán giá trị đất cho ông U, bà O theo giá thị trường. Ngoài ra ông U, bà O không có ý kiến gì khác.

Ông U, bà O không yêu cầu Tòa án đo đạc, định giá lại đất tranh chấp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đỗ Thị Thu H trình bày:

Thửa đất số 1392, tờ bản đồ số 36, diện tích 183m^2, toạ lạc tại phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 715513 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/5/2022 cho bà Đỗ Thị Thu H. Thửa đất này giáp với thửa đất số 1061 của ông U có nguồn gốc do bà Hoài nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Kim T1 vào năm 2022. Khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có sẵn nhà của bà T1, bà T1 chuyển nhượng đất và toàn bộ tài sản trên đất cho bà H, bà H sinh sống và sử dụng lối đi tranh chấp đi vào nhà từ năm 2022, không ai tranh chấp, đến năm 2023 thì gia đình ông U và gia đình bà M phát sinh tranh chấp. Con đường này có nhiều hộ dân bên trong cùng sử dụng đi vào nhà. Ngoài lối đi tranh chấp ra, gia đình bà H không còn lối đi nào khác.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà M, bà H yêu cầu Toà án buộc ông U, bà O phải trả lại lối đi tranh chấp để gia đình bà H có lối đi ra con đường nhà nước quản lý.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu câu độc lập bà Võ Thị Thanh K trình bày:

Tháng 7 năm 2024, bà K có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T2 thửa đất số 1391, tờ bản đồ số 36, diện tích được cấp là 170m^2, trên đất có sẵn căn nhà của ông Phạm Văn T2. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà K được cơ quan có thẩm quyền cập nhật, chỉnh lý trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà K vào ngày 24/7/2024.

Từ khi nhận chuyển nhượng nhà, đất cho đến nay, gia đình bà K đi trên lối đi tranh chấp.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà M, bà K thống nhất theo ý kiến của bà M, trả lại lối đi tranh chấp cho gia đình bà K, bà M và các hộ dân bên trong để đi ra con đường nhà nước quản lý, vì ngoài lối đi này gia đình bà K không còn lối đi nào khác.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy T trình bày:

Ông T và bà Võ Thị Thanh K là vợ chồng.

Ông T thống nhất với ý kiến, yêu cầu của bà K.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành S, Nguyễn Thị HT và bà Nguyễn Thị Ngọc E trình bày:

Ông Nguyễn Thành S và bà Nguyễn Thị HT là con ruột của ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị O, còn bà Nguyễn Thị Ngọc E là con dâu.

Ông S và bà HT hiện đang sinh sống trên thửa đất 1061, ông S, bà HT và bà E thống nhất với ý kiến trình bày của ông U, bà O.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn MT và bà Đỗ Thị Thu A trình bày:

Ông MT và bà A là con ruột của bà M thống nhất với ý kiến trình bày của bà M.

8. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án là đúng theo pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên xác định đây là tranh chấp quyền sử dụng đất (lối đi) thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bến Cát. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thu H và bà Võ Thị Thanh K là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét sử chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông, bà Võ Thị Thanh K, Nguyễn Huy T, Nguyễn Thị Ngọc E, bà Nguyễn Thị HT, ông Đỗ Văn MT và bà Đỗ Thị Thu A có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các ông, bà nêu trên.

[2] Về nội dung:

Lối đi tranh chấp có diện tích là 90,6m^2, trong đó có 10,2m^2 thuộc HLATĐB, diện tích đất còn lại là đất trồng cây lâu năm. Hướng Đông có cạnh 3,91m giáp đường đất do Nhà nước quản lý; hướng Tây có cạnh 3,66m giáp thửa đất 1075 của bà M, hướng Nam có cạnh 25,77m giáp thửa đất 1467 của bà Hà Thị Kim Q và hướng Bắc có cạnh là 24,72m giáp hàng rào lưới B40 rào thửa đất 1061 của ông U. Hiện trạng lối đi là đường đất, đầu lối đi hướng Nam giáp đường đất Nhà nước quản lý, ông U, bà O có đổ 03m^3 đá xanh 0.4.

Theo nội dung Công văn số 88/CNBC- KTĐĐ&BĐ ngày 08/01/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bến Cát về việc cung cấp thông tin cho Toà án trả lời là không có cơ sở xác định được phần diện tích 90,6m^2 thuộc thửa đất nào và đề nghị Toà án xác minh quá trình sử dụng đất tại địa phương để giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kết quả Toà án xác minh tại địa phương và lời trình bày của bà M, bà O đại diện cho ông U đều thống nhất diện tích đất 90,6m^2 có nguồn gốc của cha mẹ bà M, ông U khai phá để lại cho ông U quản lý sử dụng, thuộc một phần của thửa đất số 1061 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Nguyễn Văn U từ năm 1990 và sau đó ông U cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2000. Như vậy, có đủ cơ sở xác định diện tích đất lối đi tranh chấp là của bị đơn ông Nguyễn Văn U.

Lối đi tranh chấp hình thành từ khi cha mẹ bà M, ông U cho ông U lập gia đình sống riêng. Đến năm 2005, ông U xây hàng rào mới chừa lối đi tranh chấp cho gia đình bà M có lối đi ra đường giao thông nông thôn. Ngày 21/11/2024, Tòa án xác minh cán bộ phụ trách công tác kế hoạch, giao thông, thuỷ lợi, nông nghiệp của phường HL cho biết lối đi tranh chấp giữa bà M và ông U là lối đi người dân tự chừa, không phải đường giao thông nông thôn, ngoài lối đi này ra thì gia đình bà M và một số hộ dân phía trong không còn lối đi nào khác. Tại phiên toà, bà M, bà O là đại diện hợp pháp của ông U và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Hoài, ông Sang đều thừa nhận lối đi tranh chấp là lối đi duy nhất để các hộ bà M, bà Hoài, bà K và các hộ liên quan sử dụng vào việc đi lại.

Xét thấy, bà M, ông U và bà O đều thống nhất mở lối đi tại vị trí đất tranh chấp, nhưng không thống nhất diện tích và số tiền đền bù. Theo Mảnh trích lục địa chính của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bến Cát thể hiện lối đi tranh chấp là lối đi thuận lợi, ít gây thiệt hại cho các đương sự, hiện trạng

thực tế thì lối đi giáp hàng rào thửa 1061 của ông U, ông U đã rào thửa đất chừa lối đi tranh chấp. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự thì chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu ảnh hưởng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Theo Biên bản định giá ngày 21/11/2024, lối đi tranh chấp có diện tích 90,6m^2, giá trị 1m^2 là 3.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý với kết quả định giá, nhưng không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử vẫn lấy giá trị đất này để làm căn cứ giải quyết, cụ thể:

90,6m^2 x 3.000.000 đồng/m^2 = 271.800.000 đồng.

Như vậy, bà M, bà H và bà K có trách nhiệm đền bù cho ông U và bà O số tiền là 271.800.000 đồng.

Ngoài ra, trên lối đi tranh chấp ông U, bà O có đổ đá hiện gây khó khăn cho việc đi lại. Do đó, để nguyên đơn và những hộ liên quan được đi lại dễ dàng cần buộc ông U, bà O phải có trách nhiệm di đời đá đi nơi khác để trả lại mặt bằng lối đi tranh chấp.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên toà về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp, có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí và chi phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ 29 Luật Đất đai; Điều 254 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thu H và Võ Thị Thanh K về việc: “Tranh chấp quyền về lối đi qua”.

- Buộc ông Nguyễn Văn U, bà Trần Thị O phải mở lối đi cho bà Nguyễn Thị M, bà Đỗ Thị Thu H và bà Võ Thị Thanh K với diện tích là 90,6m2 trong đó có

10,2m2 là HLATĐB, thuộc một phần thửa đất 1061, tờ bản đồ số 36 toạ lạc tại phường HL, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00563/QSDĐ, được UBND huyện Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát) cấp ngày 18/02/2000 cho hộ ông Nguyễn Văn U.

(Theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 97- 2024, hệ toạ độ VN- 2000, tờ bản đồ số 36 (224 599-1) ngày 28/11/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bến Cát kèm theo Bản án).

Bà Nguyễn Thị M, bà Đỗ Thị Thu H và bà Võ Thị Thanh K có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị O số tiền là 271.800.000 đồng (hai trăm bảy mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiêu lực pháp hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông Nguyễn Văn U và bà Trần Thị O phải có trách nhiệm di dời đá trên lối đi tranh chấp để trả lại mặt bằng cho lối đi qua.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị M và bị đơn Nguyễn Văn U là người cao tuổi, theo quy định pháp luật được miễn án phí.

- Trả cho bà Đỗ Thị Thu H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005773 ngày 6/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

- Trả cho bà Võ Thị Thanh K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005771 ngày 6/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là 9.391.656 đồng, bà M đã tạm ứng toàn bộ chi phí nên ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị M 9.391.656 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Đương sự;
- Lưu: VT,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Nga